TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/DS-ST
Ngày: 14 - 3 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bùi Duy Thấm;
2. Ông Bùi Đắc Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 584/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị X (9 X)**, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 6, ấp 2, xã S, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Đức B**, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 6, ấp 2, xã S, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 11 năm 2023, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Ông Nguyễn Đức B có tham gia dây hụi do bà làm thảo hụi, đã hốt hụi nhưng không đóng lại tiền hụi chết cho bà. Ngày 13/01/2015, ông B viết giấy thiếu tiền cho bà có nội dung còn nợ lại bà số tiền 57.000.000 đồng và ký tên. Sau đó, ông B trả được 5.000.000 đồng. Bà đã yêu cầu ông B trả tiền nhiều lần nhưng ông B không thực hiện. Nay, bà yêu cầu ông B trả cho bà số tiền hụi là 52.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn – Ông Nguyễn Đức B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc yêu cầu ông Nguyễn Đức B trả số tiền 52.000.000 đồng, ghi nhận bà X không yêu cần tính tiền lãi.

Án phí ông Nguyễn Đức B chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào các biên bản xác minh ngày 29 tháng 11 năm 2023 và ngày 09 tháng 01 năm 2024 tại xã S, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh thấy rằng: Ông Nguyễn Đức B, sinh năm 1982 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 2, xã S, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Hiện tại, ông B vẫn sống tại địa phương. Trong đơn khởi kiện, người khởi kiện (bà Nguyễn Thị X) đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú người bị kiện (ông Nguyễn Đức B) nên được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú".

Bà Nguyễn Thị X là nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Đức B là bị đơn, vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Đức B.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 13/01/2015, ông Nguyễn Đức B viết giấy thiếu tiền có nội dung còn nợ lại bà 9 X số tiền 57.000.000 đồng, sau đó ông B trả cho bà X được 5.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 52.000.000 đồng, bà X yêu cầu ông B trả nhiều lần nhưng ông B không trả nên các bên xảy ra tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại "giấy thiếu tiền ghi ngày 13/01/2015", ông Nguyễn Đức B có ký nhận nợ bà X số tiền 57.000.000 đồng, bà X trình bày sau đó, ông B có trả cho bà được 5.000.000 đồng, đủ căn cứ xác định ông B nợ bà X số tiền 52.000.000 đồng. Do ông B đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X về việc buộc ông B có nghĩa vụ trả số tiền 52.000.000 đồng. Bà X không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị X được chấp nhận nên ông Nguyễn Đức B phải chịu án phí sơ thẩm tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự; các Điều 144, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X (9 X) đối với ông Nguyễn Đức B về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc ông Nguyễn Đức B có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị X (9 X) số tiền 52.000.000 (năm mươi hai triệu) đồng. Ghi nhận, bà X (9 X) không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị X (9 X) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Nguyễn Đức B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

Ông Nguyễn Đức B phải chịu 2.600.000 (hai triệu sáu trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị X (9 X) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị X (9 X) số tiền 1.300.000 (một triệu ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà X (9 X) đã nộp tại biên lai thu số 0005648 ngày 29/11/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Xuân Lan